

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 52

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Trần Thị Linh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

**Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Bùi Thành Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/02/2025

**Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Phạm Thị Thu Hằng.

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc
----------------	---------------

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30/06/2025, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trịnh Kiên**

**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần DNP Holding  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.447.958.219.185</b>	<b>8.859.009.475.274</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.855.085.005.430</b>	<b>1.892.725.495.847</b>
Tiền	111		208.042.693.101	572.159.760.776
Các khoản tương đương tiền	112		1.647.042.312.329	1.320.565.735.071
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>349.756.527.025</b>	<b>397.384.395.412</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		37.500.000.000	37.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	312.256.527.025	359.884.395.412
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.499.836.377.520</b>	<b>4.825.761.790.033</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.823.134.999.693	1.444.688.405.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	730.787.445.319	827.319.211.821
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	993.361.134.593	570.861.134.593
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.195.325.938.452	2.210.932.610.479
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8, 9, 10	(242.773.140.537)	(228.039.572.652)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.585.845.518.079</b>	<b>1.582.968.735.755</b>
Hàng tồn kho	141		1.598.412.163.069	1.597.486.980.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.566.644.990)	(14.518.245.083)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>157.434.791.131</b>	<b>160.169.058.227</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	63.084.109.036	30.477.956.721
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		80.981.958.017	84.462.820.994
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	13.368.724.078	13.142.062.501
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	32.086.218.011

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.504.654.125.505</b>	<b>8.814.453.856.582</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>79.368.241.212</b>	<b>83.747.185.346</b>
Trả trước người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	79.268.241.212	83.647.185.346
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.991.830.896.254</b>	<b>7.280.658.796.375</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.483.817.119.069	5.710.514.270.634
Nguyên giá	222		11.584.943.226.747	11.513.561.992.434
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.101.126.107.678)	(5.803.047.721.800)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	209.261.512.193	245.290.186.438
Nguyên giá	225		243.237.144.586	283.128.920.688
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.975.632.393)	(37.838.734.250)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.298.752.264.992	1.324.854.339.303
Nguyên giá	228		1.539.768.626.310	1.540.976.977.310
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(241.016.361.318)	(216.122.638.007)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>731.529.537.520</b>	<b>672.524.877.351</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	731.529.537.520	672.524.877.351
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>17</b>	<b>432.757.337.210</b>	<b>472.945.067.211</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		99.821.337.210	100.655.251.951
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		357.009.815.260	357.009.815.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(39.173.815.260)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.100.000.000	15.280.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>269.168.113.309</b>	<b>304.577.930.299</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	106.742.442.607	113.027.811.768
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		13.124.849.085	13.881.649.085
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.418.417.571	6.115.886.930
Lợi thế thương mại	269	16	144.882.404.046	171.552.582.516
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.952.612.344.690</b>	<b>17.673.463.331.856</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.824.159.594.958</b>	<b>11.598.181.791.879</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.922.208.203.034</b>	<b>5.842.208.389.597</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	783.890.710.313	775.205.342.563
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	38.800.999.094	33.655.671.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	92.246.320.856	121.222.428.629
Phải trả người lao động	314		77.498.104.484	132.569.235.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	178.546.628.153	140.530.390.661
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.637	136.363.638
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	222.911.616.565	141.314.616.277
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	4.508.047.314.504	4.484.777.445.438
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.592.888.213	5.561.706.075
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.537.257.215	7.235.189.965
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.901.951.391.924</b>	<b>5.755.973.402.282</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	18	64.678.277.566	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	19	33.137.403.206	44.744.959.832
Chi phí phải trả dài hạn	333	21	44.932.674.367	41.727.969.317
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.778.861.149	1.979.749.359
Phải trả dài hạn khác	337	22	1.658.177.260.638	1.503.051.288.900
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	3.758.496.509.934	3.809.149.970.420
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		340.196.319.664	351.386.091.464
Dự phòng phải trả dài hạn	342		554.085.400	3.933.372.990

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>24</b>	<b>6.128.452.749.732</b>	<b>6.075.281.539.977</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>6.128.452.749.732</b>	<b>6.075.281.539.977</b>
Vốn cổ phần	411		1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		506.898.575.480	506.898.575.480
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.780.003.942	45.780.003.942
Cổ phiếu quỹ	415		(28.342.000)	(28.342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.805.426.819	17.186.013.442
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.653.257.963	92.899.052.068
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		86.325.245.830	49.402.581.684
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.328.012.133	43.496.470.384
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.019.595.367.528	4.002.797.777.045
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.952.612.344.690</b>	<b>17.673.463.331.856</b>

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Văn Định  
Người lập biểuPhạm Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởngTrịnh Kiên  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B02a-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	4.777.143.348.128	4.088.109.856.847
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	75.091.414.466	59.389.177.734
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.702.051.933.662	4.028.720.679.113
Giá vốn hàng bán	11	27	3.935.153.388.573	3.285.279.790.174
Lợi nhuận gộp	20		766.898.545.089	743.440.888.939
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	189.221.575.196	138.737.055.857
Chi phí tài chính	22	29	381.305.051.363	372.146.522.993
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		328.763.053.267	322.191.741.748
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.746.085.259	42.896.914.144
Chi phí bán hàng	25	30	237.236.046.863	250.318.021.524
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	232.116.310.416	221.083.117.981
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.208.796.902	81.527.196.442
Thu nhập khác	31		11.039.412.197	31.456.038.374
Chi phí khác	32		9.063.412.029	34.502.598.864
Lợi nhuận khác	40		1.976.000.168	(3.046.560.490)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.184.797.070	78.480.635.952
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	48.123.090.579	34.467.752.361
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(10.432.971.800)	(11.899.571.654)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		71.494.678.291	55.912.455.245
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		38.328.012.133	18.344.859.301
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.166.666.158	37.567.595.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	272	154
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	272	130

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Văn Định  
Người lập biểuPhạm Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởngTrịnh Kiên  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B03a-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		109.184.797.070	78.480.635.953
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		364.752.014.549	355.524.797.910
Các khoản dự phòng	03		52.607.677.600	10.685.922.691
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		384.468.277	7.083.241.633
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(180.478.787.332)	(131.069.027.139)
Chi phí lãi vay	06		328.763.053.267	322.191.741.748
Các điều chỉnh khác	07		-	914.287.085
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		675.213.223.431	643.811.599.881
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(270.883.989.517)	(556.993.467.919)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(925.182.231)	(56.040.521.943)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		172.685.535.616	267.387.742.393
(Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(26.320.783.154)	(4.456.989.345)
Tiền lãi vay đã trả	14		(301.635.454.788)	(283.447.032.990)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(72.046.597.135)	(68.209.710.284)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.651.375.011
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.253.168.641)	(2.444.747.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		174.833.583.581	(55.741.752.291)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(121.279.396.509)	(214.742.137.478)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.738.006.545	26.747.337.638
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(354.379.611.062)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	264.205.747.186
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(13.793.162.027)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		140.265.010.569	2.550.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		166.826.697.150	191.255.966.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(162.829.293.307)	256.223.751.673



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trầ  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B03a-DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		4.920.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		4.377.969.123.207	4.109.150.320.220
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.392.346.415.561)	(4.132.953.409.609)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(27.489.530.747)	(28.465.995.527)
Tiền trả cổ tức	36		(12.985.506.305)	(13.879.921.598)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(49.932.329.406)</b>	<b>(66.149.006.514)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(37.928.039.132)</b>	<b>134.332.992.868</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.892.725.495.847</b>	<b>980.472.894.157</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		287.548.715	973.796.882
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.855.085.005.430</b>	<b>1.115.779.683.907</b>

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Văn Định  
Người lập biểuPhạm Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởngTrịnh Kiên  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Mẫu số B09a-DN/HN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Hiện tại Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu: DNP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty chi tiết như sau:

- Tại ngày 30/06/2025, vốn điều lệ của Công ty là: 1.409.748.460.000 đồng, tương đương 140.974.846 cổ phần, theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 06 tháng 09 năm 2024.
- Mệnh giá cổ phiếu tại Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2025 là 4.063 người (tại 31/12/2024 là 3.868 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa như ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE, các sản phẩm bao bì HDPE, phụ tùng, linh kiện và hàng gia dụng nhựa; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 05 Công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Lô 6 Khu Công nghiệp Điện Nam, Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	51,01	51,01
3	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư vào các công ty/ dự án nước sạch	51,15	51,15
4	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	51,14
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương Mại DNP	Lô 13, đường D4, khu công nghiệp Đất Đỏ I, Xã Đất Đỏ, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ nhựa	77,93	100,00



CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trán Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 26 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2024: 25 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 31/12/2024
1	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Bắc Giang	Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	47,50	51,15	99,998	99,998
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,41	45,41	89,24	89,24
3	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,95	44,95	97,04	97,04
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,29	29,29	57,26	57,26
5	Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Áp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,94	26,94	52,68	52,68
6	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489, đường 30/4, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,99	28,99	59,47	59,47
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	Áp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,13	51,13	99,97	99,97
8	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	40,28	40,28	99,03	99,03
9	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Số 25 phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	49,67	50,00	50,00
10	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	121 Trần Thái Tông, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	49,17	49,17	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	198 Đường 16/7, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	26,34	26,34	51,51	51,51
12	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	26,34	26,34	100,00	100,00
13	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	26,34	26,34	100,00	100,00
14	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Số 216, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	43,06	43,06	84,19	84,19

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo kèm theo)

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 31/12/2024
15	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Số 7, hẻm 194/70/4, phố Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	34,76	70,00	70,00
16	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11 Khu Công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	51,13	99,99	99,99
17	Công ty TNHH Nước thô DNP-Sông Tiền	Áp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	47,18	51,14	99,99	99,99
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh	STH19.25 Đường số 13 Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,13	28,13	55,00	55,00
19	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kĩa	Nhà máy nước sạch Dankia 2, Phường Lang Biang - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	23,30	23,30	50,61	50,61
20	Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	388 Lý Thái Tổ, Phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,20	13,20	50,61	50,61
21	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25,88	25,88	50,61	50,61
22	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	477-479 An Dương Vương, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,88	25,07	50,61	49,02
23	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT	Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,14	51,14	51,14	51,14
24	Viện khoa học và công nghệ nước	Tầng 19 tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và thực hiện các dự án trong lĩnh vực cấp thoát và xử lý nước	39,73	39,73	50,00	50,00
25	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	12 Trần Quang Khải, Phường An Khê, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20,02	20,02	77,33	77,33
26	Công ty Cổ phần Năng Lượng DNP	Tòa nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,90	26,00	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 5 Công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31/12/2024 có 5 Công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 31/12/2024
1	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	7,32	25,01	25,01
2	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	7,32	25,00	25,00
3	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Số 386, đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	12,41	13,37	24,99	26,35
4	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	Tầng 18, Tòa nhà văn phòng Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12,17	12,17	24,50	24,50
5	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	86 Phó Đức Chính, Xã Biển Hồ, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,68	12,68	49,00	49,00

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)***Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.8 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời gian thuê
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được tính theo thời hạn cho thuê tài sản được nêu trên hợp đồng như sau:

Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Chi phí công cụ, dụng cụ;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Đồng hồ nước;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.11 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thể thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thể thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.12 MUA TÀI SẢN VÀ HỢP NHẤT KINH DOANH**

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thể thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

**3.13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ***Đầu tư vào các công ty liên kết*

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thể thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thể thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)**

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Các khoản cho vay*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.17 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 THUẾ***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trần Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.21 THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành ngành vật liệu xây dựng (ngành nhựa, vật tư và gạch ốp lát) và ngành nước sạch và môi trường trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

**3.22 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	16.550.133.289	9.860.194.228
Tiền gửi ngân hàng	191.492.559.812	562.299.566.548
Các khoản tương đương tiền (*)	1.647.042.312.329	1.320.565.735.071
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.855.085.005.430</b>	<b>1.892.725.495.847</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi và đầu tư có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng 2,8%/năm đến 4,9%/năm.

Một phần khoản tương đương tiền đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh 23).

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>63.084.109.036</b>	<b>30.477.956.721</b>
Chi phí nước mua buôn	5.171.903.100	5.524.294.460
Thuê văn phòng, kho	1.750.688.925	3.399.319.140
Công cụ, dụng cụ	8.953.710.211	7.780.529.581
Chi phí sửa chữa tài sản	24.558.401.445	1.181.585.192
Chi phí ngắn hạn khác	22.649.405.355	12.592.228.348
<b>Dài hạn</b>	<b>106.742.442.607</b>	<b>113.027.811.768</b>
Chi phí sửa chữa và thay thế đồng hồ nước định kỳ	35.688.872.922	30.085.954.835
Công cụ, dụng cụ	22.206.312.655	35.407.991.252
Chi phí thuê biển quảng cáo	4.218.179.059	16.170.445.627
Chi phí khác	44.629.077.971	31.363.420.054
<b>Tổng cộng</b>	<b>169.826.551.643</b>	<b>143.505.768.489</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	312.256.527.025	312.256.527.025	359.884.395.412	359.884.395.412

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng từ 1,9%/năm đến 5,0%/năm. Một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn giá trị khoảng 240 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 23).

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên khác	1.823.134.999.693	(164.939.003.402)	1.444.688.405.792	(151.336.208.818)
Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện	606.529.436.946	(148.993.174.027)	511.109.463.693	(135.900.008.502)
Phải thu khác hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng	159.873.791.081	-	157.884.582.158	(651.367.640)
Phải thu khác hàng kinh doanh gạch ốp lát	253.473.196.739	(7.112.097.540)	224.927.355.690	(6.406.296.881)
Phải thu khác hàng kinh doanh nước sạch	90.939.022.075	(6.034.407.023)	48.334.049.042	(7.944.049.131)
Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	533.782.044.008	-	353.698.373.420	-
Phải thu khác hàng kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	170.379.318.297	(758.052.237)	126.612.983.693	(241.795.037)
Khách hàng khác	8.158.190.547	(2.041.272.575)	22.121.598.096	(192.691.627)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.823.134.999.693</b>	<b>(164.939.003.402)</b>	<b>1.444.688.405.792</b>	<b>(151.336.208.818)</b>

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản phải thu giá trị khoảng 838 tỷ đồng đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng (Thuyết minh số 23).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trả trước cho nhà cung cấp khác	730.787.445.319	(3.378.490.389)	827.319.211.821	(3.378.490.389)
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nước	284.042.519.603	-	318.994.632.606	-
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát	235.874.875.536	-	180.676.669.932	-
Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	135.564.061.360	(3.378.490.389)	230.333.298.839	(3.378.490.389)
Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	70.699.493.303	-	95.177.815.659	-
Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	3.863.367.900	-	1.717.086.944	-
Các khoản khác	743.127.617	-	419.707.841	-
Tổng cộng	730.787.445.319	(3.378.490.389)	827.319.211.821	(3.378.490.389)

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	993.361.134.593	(61.678.672.501)	570.861.134.593	(61.678.672.501)
Cho vay bên khác (*)	876.200.000.000	(200.000.000)	451.200.000.000	(200.000.000)
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh 36.2)	117.161.134.593	(61.478.672.501)	119.661.134.593	(61.478.672.501)
Tổng cộng	993.361.134.593	(61.678.672.501)	570.861.134.593	(61.678.672.501)

(\*) Các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay có tài sản đảm bảo thời hạn tối đa mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất thỏa thuận từ 9,5% - 11%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Các bên khác</b>				
Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	2.195.325.938.452	(12.776.974.247)	2.210.932.610.479	(11.646.200.944)
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay	2.195.325.938.452	(12.776.974.247)	2.210.932.610.479	(11.646.200.944)
Các khoản tạm ứng	1.767.966.840.350	-	1.927.734.319.799	-
Ký quỹ, ký cược	221.115.119.699	-	127.576.841.967	-
Phải thu khác	68.510.860.240	-	66.293.197.540	-
	41.537.952.075	-	50.467.531.490	-
	96.195.166.088	(12.776.974.247)	38.860.719.683	(11.646.200.944)
<b>Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh 36.2)</b>				
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	79.268.241.212	-	83.647.185.346	-
Ký quỹ, ký cược	48.300.000.000	-	52.460.000.000	-
Thuế GTGT của tài sản cố định thuế tài chính	22.924.697.975	-	23.131.718.328	-
Phải thu khác	4.610.525.884	-	4.014.454.420	-
	3.433.017.353	-	4.041.012.598	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.274.594.179.664</b>	<b>(12.776.974.247)</b>	<b>2.294.579.795.825</b>	<b>(11.646.200.944)</b>

(\*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp, lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Các khoản này được đảm bảo bằng tài sản của các bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	823.576.818.156	(5.692.630.681)	697.435.085.309	(5.692.630.681)
Thành phẩm	370.238.956.621	(5.590.865.713)	461.002.947.092	(7.542.465.806)
Hàng hóa	287.845.113.782	(1.263.652.704)	305.618.710.171	(1.263.652.704)
Công cụ và dụng cụ	12.983.046.301	-	28.281.184.650	(19.495.892)
Hàng mua đang đi trên đường	24.935.975.097	(19.495.892)	75.280.533.458	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.372.371.309	-	10.393.200.831	-
Hàng gửi đi bán	67.459.881.803	-	19.475.319.327	-
Tổng cộng	1.598.412.163.069	(12.566.644.990)	1.597.486.980.838	(14.518.245.083)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	33.567.929.087	12.672.557.911
Máy móc thiết bị	33.567.929.087	12.672.557.911
Xây dựng cơ bản dở dang	697.961.608.433	659.852.319.440
Nhà máy nước Bắc Giang	249.256.118.246	241.609.727.341
Nhà máy nước Sơn Thanh	310.651.131.721	300.341.326.429
Hệ thống cấp nước mới Bình Hiệp	21.855.453.000	21.855.453.000
Chi phí khác	116.198.905.466	96.045.812.670
Tổng cộng	731.529.537.520	672.524.877.351



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	2.176.002.101.058	3.432.040.034.685	5.864.485.054.387	41.034.802.304	11.513.561.992.434
Mua trong kỳ	3.176.135.284	13.447.846.541	2.395.759.054	150.798.091	19.170.538.970
Đầu tư XD CB hoàn thành	3.278.391.747	19.553.606.651	17.248.948.260	275.013.636	40.355.960.294
Mua tài sản thuê tài chính	-	52.793.954.382	1.385.296.364	-	54.179.250.746
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.543.246.757)	(9.833.021.183)	-	(42.376.267.940)
Phân loại lại	17.045.000	(17.045.000)	-	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	8.707.000	43.045.243	-	51.752.243
Tại ngày 30/06/2025	2.182.473.673.089	3.485.283.857.502	5.875.725.082.125	41.460.614.031	11.584.943.226.747
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	(1.181.994.461.378)	(2.352.511.695.923)	(2.244.080.944.147)	(24.460.620.352)	(5.803.047.721.800)
Khấu hao trong kỳ	(53.223.462.464)	(117.336.375.740)	(122.398.366.005)	(2.636.134.683)	(295.594.338.892)
Mua tài sản thuê tài chính	-	(20.539.496.028)	(681.104.024)	-	(21.220.600.052)
Thanh lý, nhượng bán	-	13.392.617.312	5.343.935.754	-	18.736.553.066
Tại ngày 30/06/2025	(1.235.217.923.842)	(2.476.994.950.379)	(2.361.816.478.422)	(27.096.755.035)	(6.101.126.107.678)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	994.007.639.680	1.079.528.338.762	3.620.404.110.240	16.574.181.952	5.710.514.270.634
Tại ngày 30/06/2025	947.255.749.247	1.008.288.907.123	3.513.908.603.703	14.363.858.996	5.483.817.119.069

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2025 là 3.698.889.423.830 đồng (tại 01/01/2025 là 3.750.083.030.697 đồng) (Thuyết minh số 23);

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2025 là: 2.257.115.957.663 đồng (tại 01/01/2025 là: 2.237.400.066.983 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025	1.492.593.815.048	30.193.164.573	18.189.997.689	1.540.976.977.310
Giảm khác	(1.208.351.000)	-	-	(1.208.351.000)
Tại ngày 30/06/2025	1.491.385.464.048	30.193.164.573	18.189.997.689	1.539.768.626.310
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025	(189.247.054.343)	(17.881.028.413)	(8.994.555.251)	(216.122.638.007)
Phân bổ trong kỳ	(22.702.842.828)	(1.850.452.179)	(504.059.174)	(25.057.354.181)
Giảm khác	163.630.870	-	-	163.630.870
Tại ngày 30/06/2025	(211.786.266.301)	(19.731.480.592)	(9.498.614.425)	(241.016.361.318)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	1.303.346.760.705	12.312.136.160	9.195.442.438	1.324.854.339.303
Tại ngày 30/06/2025	1.279.599.197.747	10.461.683.981	8.691.383.264	1.298.752.264.992

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2025 là 8.110.217.634 đồng (tại 01/01/2025 là: 7.510.317.634 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2025	271.205.549.183	11.923.371.505	283.128.920.688
Thuê mới trong kỳ	14.483.231.681	-	14.483.231.681
Mua lại tài sản thuê tài chính	(52.793.954.382)	(1.385.296.364)	(54.179.250.746)
Giảm khác	-	(195.757.037)	(195.757.037)
Tại ngày 30/06/2025	232.894.826.482	10.342.318.104	243.237.144.586
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2025	(30.570.200.212)	(7.268.534.038)	(37.838.734.250)
Khấu hao trong kỳ	(16.857.181.103)	(572.961.903)	(17.430.143.006)
Mua lại tài sản thuê tài chính	20.539.496.028	681.104.024	21.220.600.052
Giảm khác	-	72.644.811	72.644.811
Tại ngày 30/06/2025	(26.887.885.287)	(7.087.747.106)	(33.975.632.393)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2025	240.635.348.971	4.654.837.467	245.290.186.438
Tại ngày 30/06/2025	206.006.941.195	3.254.570.998	209.261.512.193

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2025 là: 732.500.000 đồng (tại 01/01/2025 là: 732.500.000 đồng).

**16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Giá trị VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025	533.512.412.177
<b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ</b>	
Tại ngày 01/01/2025	(361.959.829.661)
Phân bổ trong kỳ	(26.670.178.470)
Tại ngày 30/06/2025	(388.630.008.131)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2025	171.552.582.516
Tại ngày 30/06/2025	144.882.404.046

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

17.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	147.512.500.000	99.821.337.210	147.512.500.000	100.655.251.951
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương	750.000.000	452.702.919	750.000.000	987.243.914
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	2.500.000.000	2.914.014.744	2.500.000.000	2.751.658.988
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	97.100.000.000	92.216.813.952	97.100.000.000	93.046.043.454
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	3.062.500.000	4.237.805.595	3.062.500.000	3.870.305.595
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	44.100.000.000	-	44.100.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	147.512.500.000	99.821.337.210	147.512.500.000	100.655.251.951



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)****17.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>357.009.815.260</b>	<b>357.009.815.260</b>
Đối tượng đầu tư 1	210.000.000.000	210.000.000.000
Đối tượng đầu tư 2	143.153.395.000	143.153.395.000
Đối tượng đầu tư 3	2.020.420.260	2.020.420.260
Đối tượng đầu tư 4	1.836.000.000	1.836.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>357.009.815.260</b>	<b>357.009.815.260</b>

**17.3 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN**

	30/06/2025 Giá gốc và giá trị hợp lý VND	01/01/2025 Giá gốc và giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn</b>	<b>15.100.000.000</b>	<b>15.280.000.000</b>
Trái phiếu (*)	15.100.000.000	15.100.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	180.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.100.000.000</b>	<b>15.280.000.000</b>

(\*) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn trên một (1) năm với lãi suất từ 4,8% đến 7,6% hoặc lãi suất tham chiếu cộng (+) 1% - 3,5% được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 23)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>783.890.710.313</b>	<b>775.205.342.563</b>
Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	732.632.685.243	709.041.546.538
Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nhựa	366.396.110.296	325.196.436.571
Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh gạch ốp lát	187.405.836.379	242.757.627.428
Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh ngành nước	78.553.845.046	44.021.884.863
Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	100.276.893.522	97.065.597.676
Phải trả người bán phục vụ mua sắm tài sản cố định	41.900.761.856	55.440.755.477
Phải trả người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	40.913.622.374	50.651.339.509
Phải trả người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	987.139.482	4.789.415.968
Phải trả người bán khác	7.547.298.901	10.290.851.580
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 36.2)	1.809.964.313	432.188.968
<b>Dài hạn</b>	<b>64.678.277.566</b>	-
Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	64.678.277.566	-
Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	64.678.277.566	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>848.568.987.879</b>	<b>775.205.342.563</b>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.800.999.094</b>	<b>33.655.671.216</b>
Ứng trước tiền mua ống nhựa và phụ kiện ngành nước	9.791.189.171	14.882.184.590
Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	13.448.858.247	7.801.736.595
Ứng trước tiền mua nhựa công nghiệp và gia dụng	3.197.813.633	6.091.828.625
Ứng trước tiền mua gạch ốp lát	10.518.630.364	3.096.232.541
Ứng trước tiền khác	1.844.507.679	1.783.688.865
<b>Dài hạn</b>	<b>33.137.403.206</b>	<b>44.744.959.832</b>
Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	9.264.131.000	28.670.147.800
Ứng trước tiền từ bên liên quan (Thuyết minh số 36.2)	23.873.272.206	16.074.812.032
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.938.402.300</b>	<b>78.400.631.048</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

20.1 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/06/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	28.863.223.344	267.489.665.129	(274.294.636.012)	22.058.252.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.605.328.197	48.123.090.579	(72.046.597.135)	50.681.821.641
Thuế thu nhập cá nhân	4.743.516.075	12.640.471.913	(13.816.229.569)	3.567.758.419
Thuế tài nguyên	461.892.413	2.982.784.872	(2.985.265.503)	459.411.782
Các loại thuế khác	12.548.468.600	34.145.931.217	(31.215.323.264)	15.479.076.553
<b>Tổng cộng</b>	<b>121.222.428.629</b>	<b>365.381.943.710</b>	<b>(394.358.051.483)</b>	<b>92.246.320.856</b>

20.2 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	01/01/2025 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu/bù trừ trong kỳ VND	30/06/2025 VND
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	38.041.968	1.821.369.701	(1.815.818.272)	43.593.397
Thuế thu nhập cá nhân	652.799.812	2.487.247.361	(1.841.227.861)	1.298.819.312
Thuế giá trị gia tăng	2.576.427.746	39.619.588.096	(40.041.786.098)	2.154.229.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.862.089.625	-	-	9.862.089.625
Các loại thuế khác	12.703.350	8.510.080	(11.221.430)	9.992.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.142.062.501</b>	<b>43.936.715.238</b>	<b>(43.710.053.661)</b>	<b>13.368.724.078</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>178.546.628.153</b>	<b>140.530.390.661</b>
Chi phí lãi vay	80.434.824.492	55.901.351.217
Chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	16.859.410.958	6.295.085.586
Chi phí hoa hồng môi giới	18.197.977.871	20.591.138.780
Trích trước lương tháng 13	6.492.357.927	8.539.550.194
Cước vận chuyển	4.635.448.886	6.493.543.398
Các khoản phải trả khác	51.926.608.019	42.709.721.486
<b>Dài hạn</b>	<b>44.932.674.367</b>	<b>41.727.969.317</b>
Chi phí lãi vay	44.932.674.367	41.727.969.317
<b>Tổng cộng</b>	<b>223.479.302.520</b>	<b>182.258.359.978</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư đối với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể hoặc khi các bên quyết toán các khoản đầu tư.

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>222.911.616.565</b>	<b>141.314.616.277</b>
Phải trả hoạt động chuyển nhượng cổ phần	106.000.000.000	-
Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc	23.152.025.287	32.533.023.789
Lãi vay phải trả	15.953.300.685	15.485.839.041
Kinh phí công đoàn	3.714.079.749	3.800.888.132
Phải trả cổ tức	8.567.938.848	3.073.673.654
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả khác	62.524.271.996	83.421.191.661
<b>Dài hạn</b>	<b>1.658.177.260.638</b>	<b>1.503.051.288.900</b>
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	953.500.000.000	786.200.000.000
Phải trả hoạt động chuyển nhượng cổ phần	308.700.000.000	308.700.000.000
Lãi vay phải trả	287.265.464.819	298.907.831.681
Nhận ký cược, ký quỹ	11.422.724.254	11.308.063.414
Phải trả khác	97.289.071.565	97.935.393.805
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.881.088.877.203</b>	<b>1.644.365.905.177</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi 2 bên quyết toán các khoản đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025	Trong kỳ	30/06/2025
	Giá trị và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
			Giá trị và số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.484.777.445.438	4.377.071.707.841	4.508.047.314.504
Vay ngắn hạn (23.1)	3.404.596.879.157	4.207.331.540.957	3.657.463.713.384
Vay dài hạn đến hạn trả (23.2)	391.679.366.794	119.537.732.739	359.264.051.850
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (23.4)	596.884.166.667	360.000.000	399.265.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	46.473.307.333	24.113.397.759	43.097.174.345
Các khoản nợ khác đến hạn trả (23.3)	45.143.725.487	25.729.036.386	48.957.374.925
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.809.149.970.420	174.908.533.604	3.758.496.509.934
Vay dài hạn (23.2)	2.291.997.691.342	157.368.069.323	2.293.390.911.029
Trái phiếu dài hạn (23.4)	796.260.275.619	6.756.850.413	775.796.292.699
Nợ thuê tài chính dài hạn	54.914.465.335	10.783.613.868	49.060.804.468
Các khoản nợ khác (23.3)	665.977.538.124	-	640.248.501.738
Tổng cộng	8.293.927.415.858	4.551.980.241.445	8.266.543.824.438

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

23.1 VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành thu tín dụng, phát hành bảo lãnh chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số dư cuối kỳ (VND)	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	631.033.273.830	Theo từng lần trả nợ	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất, Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.220.043.425.432	Theo từng lần trả nợ	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho nhà xưởng, máy móc thiết bị, tài sản và quyền tài sản của dự án Củ Chi và Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	407.873.204.607	Theo từng lần trả nợ	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho nhà xưởng, máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	465.207.938.771	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội	130.780.506.803	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	311.322.921.099	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của công ty
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	73.967.200.264	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	52.683.697.427	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	84.597.265.134	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng Sinopac	61.249.912.466	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	79.767.769.635	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Á	93.500.000.000	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	33.913.833.026	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Vay cá nhân và tổ chức khác	11.522.764.890	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.657.463.713.384</b>		



CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

23.2 VAY DÀI HẠN

Tên đối tượng	Số dư cuối kỳ (VND)	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	21.179.668.917	60 tháng	Máy móc thiết bị được tài trợ bởi ngân hàng bảo lãnh từ Công ty
Ngân hàng TMCP Việt Á	82.500.000.000	24 tháng	Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	636.388.000.000	120 tháng	Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	135.156.250.000	96 tháng	Quyền Khai thác, lợi ích phát sinh từ các thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng của Công ty
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.030.607.416.506	60 tháng - 180 tháng	Tài sản và quyền sử dụng tài sản của dự án, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	72.934.000.000	36 tháng - 120 tháng	Xe ô tô, toàn bộ tài sản của dự án phát triển, quản lý hệ thống cấp nước
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	74.465.731.486	60 tháng - 120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	156.942.360.546	192 tháng - 25 năm	Tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất, TS hình thành từ vốn vay
Quỹ đầu tư phát triển	148.807.234.100	72 - 240 tháng	Công trình thuộc dự án Trạm tăng áp Chợ Gạo. Tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác.
Ngân sách tỉnh Bình Thuận	42.871.366.156	180 tháng	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân Đội	15.857.557.409	48 tháng - 84 tháng	Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước diện tích 14,532.3 m2
Bộ Tài chính	192.559.901.757	25 năm	Các công trình xây dựng hoàn thành
Vay các tổ chức khác	42.385.476.002	Khi dự án hoàn thành	Không có tài sản đảm bảo
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.652.654.962.879</b>		

Trong đó:

Đến hạn trả: 359.264.051.850

Dài hạn: 2.293.390.911.029

CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

23.3 CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

Trong kỳ, Tập đoàn đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng tài sản phát sinh trong tương lai với một đối tác doanh nghiệp. Theo hợp đồng, Tập đoàn nhận trước khoản tiền và sẽ thanh toán lại trong tương lai bằng tiền thu được từ các hoạt động bán nước sạch. Ban Tổng Giám đốc cho rằng các hoạt động này bản chất là giao dịch tài chính, do đó ghi nhận các khoản nhận trước như một khoản nợ, phân chênh lệch giữa tổng khoản thanh toán trong tương lai và khoản tiền nhận trước được xem là chi phí lãi. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tổng khoản thanh toán trong tương lai VND	Lãi VND	Tổng khoản thanh toán trong tương lai VND	Lãi VND
Nợ đến hạn trả	64.308.480.585	15.351.105.660	48.957.374.925	15.832.428.736
Nợ dài hạn	970.763.519.417	330.515.017.679	640.248.501.738	45.143.725.487
	1.035.072.000.002	345.866.123.339	1.092.431.918.696	665.977.538.124
			381.310.655.085	711.121.263.611

23.4 TRÁI PHIẾU DÀI HẠN

Tên tổ chức phát hành/ trái chủ	Kỳ hạn	Lãi suất	Số dư cuối kỳ (VND)	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng VNDirect	Từ 2 đến 5 năm	10,60%	694.725.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phiếu của bên thứ ba
Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Đồng Nai	5 năm	9,50%	99.640.000.000	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phiếu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	4 năm	10,50%	138.903.125.000	Tái cơ cấu nợ các khoản nợ với Tổ chức khác theo các hợp đồng vay.	Cổ phiếu của bên thứ ba
Trái chủ	3 năm	11%	241.793.167.699	Cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và thực hiện đầu tư vào các dự án ngành nước	Cổ phần của Công ty tại một số Công ty con và cổ phiếu của các bên thứ ba
			1.175.061.292.699		

Tổng cộng

Trong đó:

Đến hạn trả:

Dài hạn:

399.265.000.000

775.796.292.699



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc VCSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	1.189.099.130.000	270.847.905.480	45.780.003.942	(28.342.000)	3.513.332.924	60.583.409.261	3.088.702.929.526	4.658.498.369.133
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	18.344.859.301	37.567.595.944	55.912.455.245
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(13.879.921.598)	(13.879.921.598)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác	-	-	-	-	-	(667.812.881)	(1.572.485.105)	(2.240.297.986)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.676.313.774	(1.676.313.774)	-	-
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	823.219.557.852	823.219.557.852
Khác	-	-	-	-	-	685.503.289	(198.427.344)	487.075.945
Tại ngày 30/06/2024	1.189.099.130.000	270.847.905.480	45.780.003.942	(28.342.000)	5.189.646.698	77.269.645.196	3.933.839.249.273	5.521.997.238.591
Tại ngày 01/01/2025	1.409.748.460.000	506.898.575.480	45.780.003.942	(28.342.000)	17.186.013.442	92.899.052.068	4.002.797.777.045	6.075.281.539.977
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.920.000.000	4.920.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	38.328.012.133	33.166.666.158	71.494.678.291
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(18.479.771.499)	(18.479.771.499)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.717.697.486)	(2.610.876.828)	(4.328.574.314)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.619.413.377	(4.619.413.377)	-	-
Khác	-	-	-	-	-	(236.695.375)	(198.427.348)	(435.122.723)
Tại ngày 30/06/2025	1.409.748.460.000	506.898.575.480	45.780.003.942	(28.342.000)	21.805.426.819	124.653.257.963	4.019.595.367.528	6.128.452.749.732

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****24.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp cổ phần	1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.409.748.460.000</b>	<b>1.409.748.460.000</b>

**24.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TÚC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Vốn cổ phần</b>	<b>1.409.748.460.000</b>	<b>1.189.099.130.000</b>
▪ Vốn đầu kỳ	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
▪ Tăng vốn trong kỳ	-	-
▪ Vốn góp cuối kỳ	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
<b>Cổ tức và lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**24.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.974.846	140.974.846
Số lượng cổ phiếu đã bán ta công chúng	140.974.846	140.974.846
▪ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>140.974.846</i>	<i>140.974.846</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
▪ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.810</i>	<i>8.810</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	140.966.036
▪ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>140.966.036</i>	<i>140.966.036</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	4.716.815.196.924	4.051.235.773.272
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.101.504.225	30.471.489.312
Doanh thu khác	10.226.646.979	6.402.594.263
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.777.143.348.128</b>	<b>4.088.109.856.847</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	75.091.414.466	59.389.177.734
Trong đó:		
▪ Chiết khấu thương mại	69.167.738.349	53.092.990.760
▪ Hàng bán bị trả lại	5.923.676.117	6.237.795.122
▪ Giảm giá hàng bán	-	58.391.852
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.091.414.466</b>	<b>59.389.177.734</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	3.883.276.237.889	3.253.362.587.040
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.302.763.972	27.619.336.624
Giá vốn khác	7.574.386.712	4.297.866.510
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.935.153.388.573</b>	<b>3.285.279.790.174</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Lãi từ hoạt động đầu tư	8.165.650.699	2.639.159.597
Lãi tiền gửi, cho vay	173.392.495.432	123.012.916.829
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.663.429.065	8.417.644.125
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.667.335.306
<b>Tổng cộng</b>	<b>189.221.575.196</b>	<b>138.737.055.857</b>

**29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí lãi vay	328.763.053.267	322.191.741.748
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.973.154.216	16.030.538.040
Chi phí hợp tác đầu tư	7.115.885.871	12.936.230.137
Chi phí tài chính khác	39.452.958.009	20.988.013.068
<b>Tổng cộng</b>	<b>381.305.051.363</b>	<b>372.146.522.993</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>232.116.310.416</b>	<b>221.083.117.981</b>
Chi phí nhân viên quản lý	100.754.032.609	96.098.221.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.623.572.992	42.957.980.719
Lợi thế thương mại phân bổ	26.670.178.470	26.117.197.535
Chi phí dự phòng	13.494.464.949	11.087.182.626
Chi phí khấu hao	10.633.859.575	9.920.310.623
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.507.648.557	2.262.453.380
Thuế, phí và lệ phí	1.807.853.996	1.762.839.028
Chi phí khác	29.624.699.268	30.876.932.677
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>237.236.046.863</b>	<b>250.318.021.524</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.792.686.666	81.053.991.073
Chi phí nhân viên	74.386.061.582	66.669.962.086
Chi phí khấu hao	20.635.747.491	16.312.120.328
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.366.307.090	4.923.351.287
Chi phí vật liệu, bao bì	2.096.786.821	3.285.581.121
Chi phí khác	53.958.457.213	78.073.015.629
<b>Tổng cộng</b>	<b>469.352.357.279</b>	<b>471.401.139.505</b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế. Một số các trường hợp hưởng ưu đãi thuế sau đây:

- Các công ty gồm Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội (“NS3”), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận (“Bình Thuận”), Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước sạch DNP – Bắc Giang (“Bắc Giang”), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh (“Tây Ninh”), Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa (“Ninh Hòa”) và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước (“Bình Phước”) được hưởng thuế suất là 10% đối với thu nhập từ sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội trong lĩnh vực môi trường trong suốt thời gian hoạt động;

- Công ty Cổ phần Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;

- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Nước sạch DNP - Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm năm tiếp theo tới năm 2025;

- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;

- Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy trình về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	48.123.090.579	34.467.752.361
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.123.090.579</b>	<b>34.467.752.361</b>

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**31.2 THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

	<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>		<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	
	<b>30/06/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	12.376.737.806	12.376.737.806	-	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện	748.111.279	1.504.911.279	(756.800.000)	(756.800.000)
<b>- Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>13.124.849.085</b>	<b>13.881.649.085</b>		
- Chênh lệch từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	(340.196.319.664)	(351.386.091.464)	11.189.771.800	12.656.371.654
<b>- Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>	<b>(340.196.319.664)</b>	<b>(351.386.091.464)</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>10.432.971.800</b>	<b>11.899.571.654</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.144.249.833.514	2.612.628.036.190
Chi phí nhân công	410.357.084.996	379.886.784.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.081.836.079	329.407.600.379
Lợi thế thương mại phân bổ	26.670.178.470	26.117.197.531
Chi phí dự phòng	13.779.608.211	92.555.046.293
Thuế, phí, lệ phí	5.697.750.762	8.473.876.066
Chi phí khác	465.669.453.820	307.612.388.363
<b>Tổng</b>	<b>4.404.505.745.852</b>	<b>3.756.680.929.679</b>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	38.328.012.133	18.344.859.301
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	140.966.036	118.901.103
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND /CP)</b>	<b>272</b>	<b>154</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 Cổ phiếu</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	140.966.036	118.901.103
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ (*)	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>140.966.036</b>	<b>118.901.103</b>

**34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	38.328.012.133	18.344.859.301
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	140.966.036	118.901.103
Số cổ phiếu dự kiến phát hành (cổ phiếu) (*)	-	22.064.933
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND /CP)</b>	<b>272</b>	<b>130</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

(\*) Trong năm 2024, Công ty đã phát hành và chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thành công cho trái chủ với số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 22.064.933 cổ phiếu (456.700 trái phiếu đã đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành 22.064.933 cổ phiếu), tương ứng với giá trị cổ phiếu niêm yết bổ sung là 220.649.330.000 đồng. Ngày 02/08/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 863/QĐ-SGDHN ngày 02/08/2024 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty Cổ phần DNP Holding.

**35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ngành nhựa và vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và kinh doanh ngành nước sạch và môi trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Doanh thu thuần bán hàng

Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận gộp từ bán hàng

Tại ngày 30/06/2025

Tài sản ngắn hạn

Tài sản dài hạn

Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn

Tài sản thuần

Ngành nhựa và vật liệu xây dựng VND	Ngành nước và môi trường VND	Tổng cộng VND
3.968.406.319.798	733.645.613.864	4.702.051.933.662
3.433.710.566.597	501.442.821.976	3.935.153.388.573
534.695.753.201	232.202.791.888	766.898.545.089
6.728.942.173.848	2.719.016.045.337	9.447.958.219.185
2.720.660.841.482	5.783.993.284.023	8.504.654.125.505
5.248.917.335.697	673.290.867.337	5.922.208.203.034
2.143.494.301.808	3.758.457.090.116	5.901.951.391.924
2.057.191.377.825	4.071.261.371.907	6.128.452.749.732

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Doanh thu thuần bán hàng

Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận gộp từ bán hàng

Tại ngày 30/06/2024

Tài sản ngắn hạn

Tài sản dài hạn

Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn

Tài sản thuần

Ngành nhựa và vật liệu xây dựng VND	Ngành nước và môi trường VND	Tổng cộng VND
3.336.032.936.703	692.687.742.410	4.028.720.679.113
2.773.570.377.136	511.709.413.038	3.285.279.790.174
562.462.559.567	180.978.329.372	743.440.888.939
5.474.782.955.388	2.704.374.255.121	8.179.157.210.509
5.156.969.476.949	4.291.859.230.868	9.448.828.707.817
5.116.380.694.448	1.095.202.096.528	6.211.582.790.976
2.253.823.407.169	3.640.582.481.590	5.894.405.888.759
3.261.548.330.720	2.260.448.907.871	5.521.997.238.591



**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****36.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ và có số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Công ty liên kết

**36.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Bán nước sạch	1.809.964.313	432.188.968
		<b>1.809.964.313</b>	<b>432.188.968</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Cho vay	117.161.134.593	119.661.134.593
		<b>117.161.134.593</b>	<b>119.661.134.593</b>
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>			
▪ Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bán nước sạch	23.873.272.206	16.074.812.032
		<b>23.873.272.206</b>	<b>16.074.812.032</b>

**36.3 CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC**

Những nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bán nước sạch	34.219.627.693	33.650.149.259
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Cổ tức được chia	2.580.000.000	2.620.863.156
	Mua nước sạch	2.816.647.620	2.940.514.285

**CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trăn Biên,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025  
đến ngày 30/06/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****36.3 CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC (TIẾP)**

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	-	-
Thành viên	-	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>978.700.000</b>	<b>978.700.000</b>
Tổng Giám đốc	851.830.819	373.000.000
Phó Tổng Giám đốc	567.440.180	244.700.000
Phó Tổng Giám đốc	540.000.000	361.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.959.270.999</b>	<b>978.700.000</b>

**37. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2025


Nguyễn Văn Định  
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hằng  
Kế toán trưởng
  
Trịnh Kiên  
Tổng Giám đốc